

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng
- Dự toán: Mua sắm hàng hóa tặng đoàn viên Công đoàn Công ty TNHH sản xuất Biel Crystal Việt Nam nhân dịp ngày lễ 30/4 và 1/5 năm 2026
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty TNHH sản xuất Biel Crystal Việt Nam
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Địa điểm dự án: Số 98, Đường Hữu Nghị, KCN, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Thuế VAT: Giá gói thầu đang xác định thuế VAT theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- **Chủng loại:** Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “trương đương” đối với các thông tin về hàng hoá.

- **Tiêu chuẩn hàng hóa:**

+ **Chất lượng mới 100%**, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025-2026. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.

+ Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu cam kết có Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ (nếu hàng hoá nhập khẩu) và cung cấp các giấy tờ CO, CQ khi thực hiện hợp đồng.

+ Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế.

+ **Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị** cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.

- **Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:**

+ Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành, cam kết sẵn sàng cung cấp 5% hàng hóa dự phòng trên tổng số lượng hàng hóa để thực hiện ngay công tác đổi hàng khi phát hiện các hàng hóa lỗi cần thay thế. Nhà thầu đề xuất thời gian và cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc sửa chữa, thay thế hàng hóa. Đối với các hàng hoá do Nhà thầu sửa chữa và thay thế, thời hạn bảo hành cho các hàng hoá này được tính từ ngày kết thúc việc sửa chữa, thay thế.

- Yêu cầu đóng gói: Nhà thầu có thuyết minh việc in ấn, đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Đóng gói hàng hóa để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Nhà thầu chịu trách nhiệm về in ấn bao bì, logo (nếu có) và chịu trách nhiệm về pháp lý bản quyền, chi phí đối với nhà sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu vận chuyển:

+ Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

+ Nhà thầu thuyết minh khả năng tự vận tải hàng hoá hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị vận tải hàng hoá (tài liệu kèm theo).

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá chính.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSMT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn																																																																													
1	Áo thun	<p>1. Mô tả sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo thun cổ tròn cũng là sản phẩm làm bằng vải dệt kim co giãn, có viền bọc chân cổ, thân trước và thân sau được in/ép/thêu theo yêu cầu của khách hàng. Tay áo cộc có bo tay hoặc phối bằng vải dệt kim co giãn ôm lấy phần bắp tay. Kiểu cổ tròn, tay trần. - Áo trắng ngà, cổ tay trái in logo Công ty, ngực trước in logo chương trình (theo mẫu tham khảo). <p>2. Phân loại sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo giới tính: nam, nữ - Theo lứa tuổi: mọi lứa tuổi - Theo khí hậu: mùa hè - Theo ý nghĩa sử dụng: mặc thường - Theo chức năng xã hội: đồng phục. - Theo quan điểm kỹ thuật: sản phẩm áo. <p>3. Kích thước (cm)</p> <table border="1" data-bbox="571 1034 1481 1973"> <thead> <tr> <th data-bbox="571 1034 624 1155">TT</th> <th data-bbox="624 1034 794 1155">CHI TIẾT ĐO</th> <th data-bbox="794 1034 847 1155">S</th> <th data-bbox="847 1034 900 1155">M</th> <th data-bbox="900 1034 952 1155">L</th> <th data-bbox="952 1034 1005 1155">XL</th> <th data-bbox="1005 1034 1058 1155">XXL</th> <th data-bbox="1058 1034 1110 1155">3XL</th> <th data-bbox="1110 1034 1163 1155">4XL</th> <th data-bbox="1163 1034 1216 1155">5XL</th> <th data-bbox="1216 1034 1481 1155">Dung sai ±</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="571 1155 624 1406">1</td> <td data-bbox="624 1155 794 1406">Dài áo (đo từ chân cổ sau xuống hết gấu)</td> <td data-bbox="794 1155 847 1406">64</td> <td data-bbox="847 1155 900 1406">66</td> <td data-bbox="900 1155 952 1406">68</td> <td data-bbox="952 1155 1005 1406">70</td> <td data-bbox="1005 1155 1058 1406">72</td> <td data-bbox="1058 1155 1110 1406">73</td> <td data-bbox="1110 1155 1163 1406">75</td> <td data-bbox="1163 1155 1216 1406">76</td> <td data-bbox="1216 1155 1481 1406">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="571 1406 624 1514">2</td> <td data-bbox="624 1406 794 1514">Rộng vai</td> <td data-bbox="794 1406 847 1514">40</td> <td data-bbox="847 1406 900 1514">41.5</td> <td data-bbox="900 1406 952 1514">43.5</td> <td data-bbox="952 1406 1005 1514">44.5</td> <td data-bbox="1005 1406 1058 1514">46</td> <td data-bbox="1058 1406 1110 1514">47.5</td> <td data-bbox="1110 1406 1163 1514">52.5</td> <td data-bbox="1163 1406 1216 1514">57.5</td> <td data-bbox="1216 1406 1481 1514">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="571 1514 624 1630">3</td> <td data-bbox="624 1514 794 1630">½ Vòng ngực</td> <td data-bbox="794 1514 847 1630">46</td> <td data-bbox="847 1514 900 1630">48</td> <td data-bbox="900 1514 952 1630">50</td> <td data-bbox="952 1514 1005 1630">52</td> <td data-bbox="1005 1514 1058 1630">54</td> <td data-bbox="1058 1514 1110 1630">55</td> <td data-bbox="1110 1514 1163 1630">61</td> <td data-bbox="1163 1514 1216 1630">67</td> <td data-bbox="1216 1514 1481 1630">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="571 1630 624 1738">4</td> <td data-bbox="624 1630 794 1738">½ Vòng gấu</td> <td data-bbox="794 1630 847 1738">46</td> <td data-bbox="847 1630 900 1738">48</td> <td data-bbox="900 1630 952 1738">50</td> <td data-bbox="952 1630 1005 1738">52</td> <td data-bbox="1005 1630 1058 1738">54</td> <td data-bbox="1058 1630 1110 1738">55</td> <td data-bbox="1110 1630 1163 1738">61</td> <td data-bbox="1163 1630 1216 1738">67</td> <td data-bbox="1216 1630 1481 1738">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="571 1738 624 1868">5</td> <td data-bbox="624 1738 794 1868">Dài tay (đã cộng bo)</td> <td data-bbox="794 1738 847 1868">19</td> <td data-bbox="847 1738 900 1868">20</td> <td data-bbox="900 1738 952 1868">21</td> <td data-bbox="952 1738 1005 1868">22</td> <td data-bbox="1005 1738 1058 1868">23</td> <td data-bbox="1058 1738 1110 1868">24</td> <td data-bbox="1110 1738 1163 1868">26</td> <td data-bbox="1163 1738 1216 1868">28</td> <td data-bbox="1216 1738 1481 1868">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="571 1868 624 1973">6</td> <td data-bbox="624 1868 794 1973">Rộng ½ cửa tay</td> <td data-bbox="794 1868 847 1973">16.5</td> <td data-bbox="847 1868 900 1973">17</td> <td data-bbox="900 1868 952 1973">17.5</td> <td data-bbox="952 1868 1005 1973">18</td> <td data-bbox="1005 1868 1058 1973">19</td> <td data-bbox="1058 1868 1110 1973">19.5</td> <td data-bbox="1110 1868 1163 1973">21.5</td> <td data-bbox="1163 1868 1216 1973">23.5</td> <td data-bbox="1216 1868 1481 1973">0.5</td> </tr> </tbody> </table>	TT	CHI TIẾT ĐO	S	M	L	XL	XXL	3XL	4XL	5XL	Dung sai ±	1	Dài áo (đo từ chân cổ sau xuống hết gấu)	64	66	68	70	72	73	75	76	1	2	Rộng vai	40	41.5	43.5	44.5	46	47.5	52.5	57.5	1	3	½ Vòng ngực	46	48	50	52	54	55	61	67	1	4	½ Vòng gấu	46	48	50	52	54	55	61	67	1	5	Dài tay (đã cộng bo)	19	20	21	22	23	24	26	28	1	6	Rộng ½ cửa tay	16.5	17	17.5	18	19	19.5	21.5	23.5	0.5
TT	CHI TIẾT ĐO	S	M	L	XL	XXL	3XL	4XL	5XL	Dung sai ±																																																																					
1	Dài áo (đo từ chân cổ sau xuống hết gấu)	64	66	68	70	72	73	75	76	1																																																																					
2	Rộng vai	40	41.5	43.5	44.5	46	47.5	52.5	57.5	1																																																																					
3	½ Vòng ngực	46	48	50	52	54	55	61	67	1																																																																					
4	½ Vòng gấu	46	48	50	52	54	55	61	67	1																																																																					
5	Dài tay (đã cộng bo)	19	20	21	22	23	24	26	28	1																																																																					
6	Rộng ½ cửa tay	16.5	17	17.5	18	19	19.5	21.5	23.5	0.5																																																																					

7	Rộng bản cổ	18		
8	Vòng cổ đo êm	52.5	54	
9	Rộng bản bo tay	2.2		

- Các kích thước cụ thể của từng loại sẽ được thông báo thống nhất giai đoạn hoàn thiện hợp đồng.

4. Tiêu chuẩn kỹ thuật may sản phẩm

4.1. Yêu cầu chung:

- Tất cả các đường may phải đảm bảo êm phẳng, không căng chỉ, sùi chỉ, bỏ mũi, nhăn, bai.
- Các đường diềm không được nổi chỉ, đầu và cuối đường may phải lại mũi 3 đường chỉ trùng khít.
- Các đường trần cửa tay, gấu phải nổi chỉ từ 5-7 mũi, trùng khớp, không để bìa vải
- Đường tra khóa phải đều, khóa tra xong không bị vặn, sóng.
- Các điểm đối xứng như cửa tay, bo cổ, phối đề cúp,... phải đối xứng, không lệch quá 1mm
- Sản phẩm may xong phải đạt yêu cầu kỹ thuật.

4.2. Yêu cầu chi tiết:

Công đoạn	Thông số
Vắt sỏ máy 2kim 4 chỉ	0.7cm
Mật độ mũi chỉ vắt sỏ	4-4.5 mũi/cm
Viền chân cổ không được nổi, Dây bọc viền cổ	1cm
Điểm nối bo cửa tay phải trùng nhau. Chốt cửa tay 0.4cm về thân sau lại mũi chắc chắn (chốt bằng thông số bo tay)	
Gấu trần đều không bavìa , vặn	2,2 cm
May gấu áo diềm nổi chỉ bên trái khi mặc , bờ vắt sỏ lật về thân sau	
Đối với áo cổ tròn, điểm nối bo cổ phải nằm bên trái khi mặc, điểm nối về thân sau 2.5cm cách đường gập vai con	

Đường chắp vai con diều 0,5cm về thân sau. Diều cửa tay 0,5 cm lật về thân tay.	0.5cm
Bản bo cổ tròn	1.8 cm

5. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải

STT	Chỉ tiêu		Yêu cầu	Độ dung sai lệch cho phép
1	Khổ rộng (cm)		176	±5 cm
2	Kiểu dệt		Interlock	
3	Khối Lượng Thực tế (g/m ²)		241	± 10gsm
4	Mật độ	Hàng vòng/ 10 cm	528	±5 %
		Cột vòng/ 10 cm	191	±5 %
5	Độ Bền kéo đứt	Cột vòng (N)	158	±5 %
		Hàng vòng (N)	235	±5 %
6	Thành phần nguyên liệu (%)		Polyester: 23,5 Bông: 67,9 Spandex: 8,6	±5 %
7	Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%)	Dọc	-2,0	±5 %
		Ngang	-2,0	±5 %
8	Tính kháng thấm nước bề mặt – Phép thử phun tia		ISO 1	

6. Thông số bao bì sản phẩm:

Áo được gấp gọn và đựng trong túi PE trong suốt có mép dán. Sau đó được cho vào hộp giấy Ivory 300 nắp âm dương có quai xách. Trên hộp có in thông tin của chủ đầu tư.

7. Mẫu tham khảo



1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán:

+ Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 3% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa.

- Tài chính:

+ Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, thiết kế in ấn (nếu có), dự phòng.

+ Nhà thầu có đề xuất cụ thể giá trị % thuế VAT của từng hàng hoá. Mức thuế suất giá trị gia tăng đối với các loại hàng hoá của các nhà thầu khi dự thầu được áp dụng chung với mức thuế suất giá trị gia tăng lập giá gói thầu. Việc xác định mức thuế VAT nhà thầu phải nộp khi thực hiện hợp đồng sẽ được xác định tại thời điểm nghiệm thu khối lượng công việc, bàn giao hàng hóa, căn cứ theo loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân... và được điều chỉnh khi có sự thay đổi về thuế VAT theo quy định.

- Bảo hành: Nhà thầu có thuyết minh đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đối với từng hàng hóa. Thời gian bảo hành của hàng hóa tối thiểu 6 tháng và theo công bố của nhà sản xuất (áp dụng điều kiện cao hơn). Nhà thầu cam kết sẵn

sàng có nhân sự thực hiện các công việc bảo hành trong thời gian 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

- Giao hàng:

+ Hàng hóa khi đến các đơn vị sử dụng phải được đóng thành phẩm bộ sản phẩm trước khi giao hàng. Khi phát tới tay người lao động về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

+ Hàng được giao trước ngày 26/4/2026.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết và thực hiện các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong thời gian 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu hoặc được nộp khi Chủ đầu tư có yêu cầu tại thời điểm đánh giá, đối chiếu tài liệu (nếu có văn bản yêu cầu) hoặc nộp đến Chủ đầu tư khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có văn bản yêu cầu). Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện. Địa điểm nộp hàng hóa cho đại diện Tư vấn tại trụ sở Tư vấn đánh giá E-HSDT.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác nghiệm thu.